

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 611/2024/DS-PT

Ngày: 13/12/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
cầm cố quyền sử dụng đất;
Bồi thường thiệt hại tài sản, tinh thần”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Ông Nguyễn Lê Huy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Hà Phan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 430/2024/TLPT-DS ngày 15/10/2024; về việc tranh chấp: “Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất; Bồi thường thiệt hại tài sản, tinh thần”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 256/2024/DS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 522/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Bà Phạm Thị Mỹ Nh, sinh năm 1972

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp , xã T H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền của ông M: Bà Phạm Thị Mỹ Nh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Văn H – Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phan Văn H, Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh

*** Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1973

2. Bà Võ Thị Út N, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Ấp , xã T H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

3. Anh Nguyễn Trọng Nh, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số , đường T Đ, phường , quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền của ông V, bà N và anh Nh: Anh Trần Văn L, sinh năm 1987

Là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn.

Địa chỉ: Ấp M Q, xã Th T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tô , ấp , xã T H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và biên bản hòa giải ngày 23/11/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị Mỹ Nh trình bày:* Ông M là anh ruột của ông V, vợ ông V làm hụi và cho vay tiền, anh Nh là con của ông V, bà N. Ngày 29/12/2017 vợ chồng ông bà cùng vợ chồng ông V tính tiền hụi từ ngày 15/01/2016 đến ngày 15/01/2020, tiền vay và lãi vay thành 725.000.000 đồng. Ông V nói “Giấy cổ đất” viết thành 02 tờ, có cùng nội dung và giá trị pháp lý như nhau, giao cho mỗi bên giữ 01 bản, khi nào bên ông bà trả đủ tiền thì ông V trả bản chính giấy cổ đất cho ông bà. Ông V ghi “Giấy cổ đất ngày 29/12/2017”, số tiền cổ đất là 725.000.000 đồng, ông V không ghi diện tích và tên thửa đất nhưng ông bà chỉ có 01 thửa đất duy nhất là thửa 115, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.588,8m². Vợ chồng ông bà đã giao đất cho vợ chồng ông V vào ngày 28/12/2017, trên đất trồng xoài cát Hòa Lộc và chanh nùm đang cho trái năm thứ nhất, thời hạn cổ đất là 10 năm nhưng ông bà có quyền lấy lại bất cứ lúc nào nếu trả đủ 725.000.000 đồng. Do ngày 29/12/2017 ông V đang có khách chờ viết giấy vay tiền để đáo nợ ngân hàng, còn ông bà phải kêu xe lên thành phố làm ăn vì đến giờ hẹn nên ông V kêu vợ chồng ông bà ký không trước 01 tờ giấy để ông viết nội dung y chang “Giấy cổ đất ngày 29/12/2017” lưu. Ngày 13/3/2023 bà Nhung gọi điện thoại cho bà N hỏi “Nếu tôi trả đủ tiền 725 triệu thì tôi lấy đất bán cho người khác được không?”. Bà N nói “Được, chị trả đủ 725 triệu, không tính lãi nữa, vì anh chị đã giao đất cho em thu

hoa lợi rồi”. Ngày 21/5/2023 vợ chồng bà nhận tiền cọc của ông L 500.000.000 đồng nên đến gặp vợ chồng ông V trả trước 500.000.000 đồng để ông V ký giáp ranh đất nhưng ông V không chịu, yêu cầu phải trả 760.000.000 đồng mới đồng ý ký giáp ranh. Sau đó vợ chồng ông bà vay của bà Phạm Thị Mỹ Nh là chị ruột bà Nh 260.000.000 đồng để trả đủ tiền theo yêu cầu ông V nên ông V đã ký giáp ranh đất cho vợ chồng bà tách thửa bán. Vợ chồng bà có hỏi lấy lại giấy cổ đất ngày 29/12/2017 để xé bỏ nhưng vợ chồng ông V nói không mang theo để ông tự xé. Ông bà đã nhận lại đất từ ngày 20/6/2023. Ngày 28/8/2023 ông V lấy bản chính giấy cổ đất ngày 01/01/2018 đòi kiện vợ chồng bà nếu không bán cho ông phần đất ngang 10m, dài 50m giá 80.000.000 đồng. Ngày 01/9/2023 ông bà nghe người trong xóm nói anh Nh và ông V đưa thông tin giấy cổ đất ngày 01/01/2018 lên mạng xã hội, thông tin vợ chồng ông bà chưa trả 760.000.000 đồng nên ông V còn giữ bản chính, ai là nạn nhân vợ chồng bà thì liên hệ công an xã T H giải quyết làm vợ chồng bà không dám ra đường. Ông bà yêu cầu tuyên bố vô hiệu giấy cổ đất ngày 01/01/2018 và ngày 29/12/2017. Buộc ông V, bà N trả lại 35.000.000 đồng tiền cổ đất đã nhận cao hơn số tiền trong giấy cổ đất ngày 29/12/2017. Yêu cầu ông V, anh Nh gỡ thông tin trên mạng xã hội, xin lỗi công khai trên mạng xã hội 03 ngày liên tiếp và xin lỗi tại UBND xã T H. Anh Nh, ông V bồi thường thiệt hại tinh thần là 18.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông V, bà N chỉ đồng ý việc tuyên bố vô hiệu giấy cổ đất ngày 01/01/2018, các yêu cầu phản tố còn lại không đồng ý.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ông M, bà Nh yêu cầu ông V, bà N, anh Nguyễn Trọng H bồi thường chanh hái lén ngày 03/9/2023 tương đương ngày 30/11/2023 và ngày 01/12/2023 bà hái, có hóa đơn là 9.033.500 đồng. Buộc ông V, bà N bồi thường cây trồng trên thửa đất 215, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.446,7m² là xoài cát Hòa Lộc trồng năm 2002, do ông V tự ý cưa là 172.550.000 đồng. Buộc ông V, bà N bồi thường 600.000.000 đồng do ông V, bà N đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa 215 làm cho ông bà không tách thửa 150m² đất vườn bán cho bà Trương Cẩm L theo giấy đặc cọc ngày 25/8/2023. Bà L đang kiện ông bà bồi thường thiệt hại ngày 05/12/2023.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ Nh và cũng là đại diện uỷ quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn M trình bày: Bà yêu cầu huỷ bỏ giấy cổ đất ngày 01/01/2018 giữa vợ chồng bà với ông V; ông V, bà N trả lại vợ chồng bà 35.000.000 đồng đã đưa chênh lệch từ 725.000.000 đồng thành 760.000.000 đồng; ông V, anh Nh phải xin lỗi vợ chồng bà tại Ủy ban nhân xã T H; ông V, bà N phải bồi thường

600.000.000 đồng do đã yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất 215 của vợ chồng bà nên không chuyển nhượng được. Rút lại các yêu cầu ông V, anh Nh phải bồi thường 18.000.000 đồng thiệt hại tinh thần; bồi thường chanh lén hái số tiền 9.033.500 đồng; bồi thường 172.550.000 đồng tiền 70 cây xoài ông V đốn.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Võ Thị Út N tại đơn khởi kiện yêu cầu phản tố, từ tự khai và biên bản hòa giải ngày 23/11/2023 trình bày:* Vợ chồng ông M, bà Nh có cầm cố cho ông bà phần đất vườn khoảng 2.800m² tại ấp 3, xã T H vào ngày 29/12/2017 với giá 725.000.000 đồng. Sau đó ngày 01/01/2018 thỏa thuận lại giá cầm cố là 760.000.000 đồng, thời hạn là 10 năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời điểm đó ông M, bà Nh thế chấp ngân hàng. Vợ chồng ông M giao đất cho vợ chồng ông bà canh tác. Khi nhận đất trên đất có xoài, chanh lão chết nên ông V mới trồng cây khác gồm chanh, xoài Đài Loan. Đến 6/2023 vợ chồng ông M kêu bán 01 phần diện tích đất 433,7m² và 459,6m² trong thửa đất cầm cố, diện tích còn lại 1.446,7m², vợ chồng ông có ngăn cản thì vợ chồng ông M nói bán để trả nợ cho ông bà. Do là anh em ruột, tin tưởng nên ông V đồng ý nhưng sau khi bán đất xong vợ chồng ông M không trả tiền mà nói ngang là trả tiền rồi. Ngày 02/9/2023 ông bà đến thăm vườn thì phát hiện trụ đá và lưới B40 ông bà rào đã bị tháo dỡ, thay vào đó là trụ đá và lưới B40 khác. Ông bà có báo công an xã T H lập biên bản yêu cầu giữ nguyên hiện trạng hàng rào. Lý do có 02 tờ giấy cổ đất là sau khi ông lập tờ cổ đất ngày 29/12/2017 thì anh em trong gia đình là Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V không cho làm mà buộc ông đưa 20.000.000 đồng. Do trước đây 01 phần thửa đất cầm cố khoảng 01 công là của ông C bán cho ông M trên 20 năm nhưng ông M không trả tiền nên ông C buộc ông phải đưa thêm 20.000.000 đồng mới cho canh tác. Ngày 01/01/2018 vợ chồng ông M đến nhà ông làm lại giấy cổ đất ghi ngày 01/01/2018 nâng số tiền cổ lên 760.000.000 đồng. Sau khi lập giấy cổ đất ngày 01/01/2018 vợ chồng ông M xin lại giấy cổ đất trước nên ông đưa lại. Ngày 01/01/2018 ông đưa thêm cho vợ chồng bà Nh 15.000.000 đồng, đưa cho ông C 20.000.000 đồng. Ngày 20/6/2023 ông không có nhận 760.000.000 đồng của vợ chồng ông M. Do đất ông bà giáp với đất ông M nên mới ký giáp ranh cho ông M bán đất trả tiền cho ông bà nhưng khi bán đất ông M không trả tiền. Đến khoảng 20/8/2023 ông bà vẫn còn canh tác, hái chanh bán, có người làm chứng. Đến tháng 02/10/2023 thì không vào đất được. Tháng 5/2023 âm lịch (trước ngày ký giáp ranh) bà Nh đến nhà gặp vợ chồng ông bà kêu bán đất cho vợ chồng để trừ số tiền

cầm cố, bà Nh nói bán cho ông T ngang 02m, bán cho vợ chồng ông bà ngang 10m, giá 80.000.000 đồng/m ngang. Không có lập giấy tờ nhưng có người làm chứng, ông có ghi âm lại. Tới ngày bà Nh đo đất ông có ký giáp ranh, tưởng bà Nh có đo đất tách thửa bán cho ông bà. Ông V, bà N yêu cầu hủy giấy cố đất ngày 01/01/2018 giữa ông M, bà Nh với ông V. Yêu cầu bà Nh, ông M bồi thường giá trị cây trồng trên đất là 400.000.000 đồng; yêu cầu bà Nh, ông M trả số tiền cầm cố đất là 760.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông bà chỉ đồng ý với yêu cầu hủy giấy cố đất ngày 01/01/2018, còn các yêu cầu khởi kiện còn lại không đồng ý.

Tại phiên toà, ông V, bà N yêu cầu huỷ bỏ giấy cố đất ngày 01/01/2018 giữa ông với vợ chồng bà Nh; ông M, bà Nh phải trả lại 760.000.000 đồng tiền cố đất. Ông, bà rút lại yêu cầu vợ chồng ông M, bà Nh bồi thường tiền cây trồng do lấy lại đất trước hạn. Các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn ông bà không đồng ý.

** Bị đơn anh Nguyễn Trọng Nh tại tờ tự khai trình bày:* Anh là cháu của ông M, bà Nh. Năm 2017 vợ chồng ông M cầm cố cho cha mẹ anh khoảng 2.800m² đất với giá 725.000.000 đồng. Sau đó 02 bên thỏa thuận lại giá cầm cố nên ngày 01/01/2018 làm lại giấy cố đất số tiền 760.000.000 đồng, đã giao đất cho cha mẹ anh canh tác. Tháng 6/2023 vợ chồng ông M kêu bán 01 phần đất đã cầm cố để trả nợ cho gia đình anh. Do là anh em ruột nên tin tưởng và đồng ý nhưng sau khi bán đất xong không trả tiền. Quá bức xúc ngày 01/9/2023 anh có đăng lên Facebook một bài đăng cảnh giác kèm theo giấy cố đất nhưng đã gỡ xuống sau vài ngày. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Nh đối với anh.

Tại phiên toà, anh Nh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Nh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng H tại tờ tự khai trình bày:* Anh là cháu của ông M, bà Nh. Năm 2017 vợ chồng ông M cầm cố cho cha mẹ anh khoảng 2.800m² đất với giá 725.000.000 đồng. Sau đó 02 bên thỏa thuận lại giá cầm cố nên ngày 01/01/2018 làm lại giấy cố đất số tiền 760.000.000 đồng, đã giao đất cho cha mẹ anh canh tác. Tháng 6/2023 vợ chồng ông M kêu bán 01 phần đất đã cầm cố để trả nợ cho gia đình anh. Do là anh em ruột nên tin tưởng và đồng ý nhưng sau khi bán đất xong không trả tiền. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Nh đối với anh.

Tại phiên toà, anh H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Nh.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn Luật sư Phan Văn H phát biểu ý kiến:* Đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên toà do luật sư và phía

nguyên đơn chưa tiếp cận đoạn ghi âm bị đơn cung cấp tại toà, làm rõ việc ông V đồn cây, yêu cầu triệu tập ông C, bà B ra toà làm chứng, những người hái chanh do bị đơn cung cấp không có thông tin cá nhân nên đề nghị không chấp nhận, làm rõ lời khai của bà T và tờ ghi nợ. Trường hợp Hội đồng xét xử không tạm dừng phiên toà thì đề nghị làm rõ số tiền trong giấy tính nợ. Lời trình bày của bị đơn có mâu thuẫn, cần phải thu thập nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Luật sư Lê Thị M phát biểu ý kiến: Thống nhất với ý kiến của Luật sư Phan Văn H.

* Bản Dân sự sơ thẩm số: 256/2024/DS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Các Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 123, 131, 309, 468, 592, 593 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị Mỹ Nh yêu cầu ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Trọng Nh bồi thường 18.000.000 đồng tổn thất tinh thần; yêu cầu ông Nguyễn Văn V, bà Võ Thị Út N bồi thường 9.033.500 đồng tiền chanh; yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Võ Thị Út N bồi thường 172.550.000 đồng tiền cây.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn V, bà Võ Thị Út N yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị Mỹ Nh bồi thường 400.000.000 đồng tiền hoa lợi cây trồng.

3. Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất theo giấy cổ đất ngày 29/12/2017 và ngày 01/01/2018 vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị Mỹ Nh hoàn trả cho ông Nguyễn Văn V, bà Võ Thị Út N 760.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị Mỹ Nh yêu cầu ông Nguyễn Văn V, bà Võ Thị Út N trả 35.000.000 đồng và bồi thường 600.000.000 đồng.

5. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16 2023/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, hướng dẫn thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 19/8/2024, bà Phạm Thị Nh và ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 256/2024/DS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có nhiều phân tích, lập luận trình bày: Vào ngày 05/7/2023 bị đơn có ký tách thửa là đồng ý giao đất cho vợ chồng bà Nh, lời khai của những người làm chứng xác nhận vợ chồng bà Nh đã trả đủ tiền cầm cố đất cho bị đơn; cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót chưa làm rõ lời khai của những người làm chứng để bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, chưa xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, có nhiều thiếu sót nghiêm trọng. Đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tài liệu chứng cứ đã được cấp sơ thẩm xem xét và đánh giá, không có căn cứ vi phạm tố tụng và có vi phạm trong việc đánh giá tài liệu chứng cứ, nguyên đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ nào có căn cứ pháp lý để xem xét. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, do có thiếu sót nên cần bổ sung cho đầy đủ về yêu cầu xin lỗi công khai của nguyên đơn đã được cấp sơ thẩm nhận định nhưng không ghi trong phần quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, của Luật sư, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Về tố tụng: Thực hiện theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

[II]- Về nội dung: Giữa bà Phạm Thị Nh và ông Nguyễn Văn M có xác lập quan hệ cầm cố quyền sử dụng đất, tài liệu chứng cứ là giấy cổ đất ngày 29/12/2017 và ngày 01/01/2018, mặc dù nội dung giấy cổ đất không ghi số thửa diện tích và địa chỉ của thửa đất cầm cố nhưng các bên thống nhất là thửa đất duy nhất của bà Nh và ông M có số thửa 115, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.588,8m² với giá theo giấy cổ đất lần sau ngày 01/01/2018 là 760.000.000 đồng. Các bên thống nhất bà N và ông V đã giao số tiền này cho ông M và bà Nh; ông V và bà N đã nhận đất canh tác từ năm 2018, thỏa thuận cầm cố đất là 10 năm khi nào bà Nh và ông M trả đủ tiền thì nhận lại đất canh tác. Cho thấy giữa các bên có xác lập quan hệ cầm cố đất, nhận tiền và giao đất canh tác hoàn thành từ năm 2018.

[II.1]- Qua lời trình bày của bà Nh và ông M cho rằng năm 2023 ông bà có bán một phần diện tích đất cho những người khác là chị L, ông L, vay tiền của chị

Nh và trả đủ tiền 760.000.000 đồng cho ông V và bà N nên yêu cầu huỷ giấy tờ cổ đất và không trả tiền cho ông V và bà N nữa. Lời trình bày của bà Nh và ông M nhưng không được ông V và bà N thừa nhận, cho rằng đã trả xong tiền nhưng bà Nh và ông M không yêu cầu làm biên nhận đã nhận tiền; cho rằng có lời khai của các người làm chứng, nhưng qua xem xét lời trình bày của các người làm chứng là chung chung, không cụ thể rõ ràng là bà Nh và ông M đã trả đủ tiền cầm cố đất cho ông V và bà N với số tiền là 760.000.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, bà Nh cho rằng sau khi cầm cố vợ chồng bà có chuyển nhượng đất cho nhiều người, tức là vợ chồng ông V đã trả lại đất cho vợ chồng bà canh tác; nhưng theo hồ sơ thể hiện khi vợ chồng ông V đến thu hoa lợi trên đất thì phát hiện có sự thay đổi hàng rào nên chính quyền địa phương có lập biên bản xác nhận do vợ chồng bà Nh tự ý rào chắn lại phần đất cầm cố, tự ý vào canh tác đất; không có việc vợ chồng ông V giao trả đất lại cho vợ chồng bà Nh, nên lời trình bày của bà Nh không có căn cứ để xem xét. Do giữa các bên cùng có yêu cầu huỷ hợp đồng cầm cố nên cần được chấp nhận tuyên bố hợp đồng cầm cố ngày 29/12/2017 và ngày 01/01/2018 là vô hiệu, buộc bà Nh và ông M phải có nghĩa vụ trả số tiền 760.000.000 đồng cho ông V và bà N.

[II.2]- Bà Nh và ông M kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, nhưng không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày, đồng thời cũng không có căn cứ có các thiếu sót nào khác nên không có cơ sở để huỷ bản án sơ thẩm. Ngoài ra, bà Nh và ông M đưa ra yêu cầu buộc ông V và bà N phải trả số tiền 35.000.000 đồng của số tiền chênh lệch trong việc giao trả tiền cầm cố đất, và 600.000.000 đồng thiệt hại của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhưng bà Nh và ông M không có chứng cứ chứng minh có thiệt hại xảy ra gây ảnh hưởng cho bà Nh và ông M, và như phân tích ở phần trên, không có căn cứ bà Nh và ông M đã trả xong tiền cầm cố cho ông V và bà N, nên không được xem xét để chấp nhận.

[II.3]- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần về yêu cầu ông V, anh Nh gỡ thông tin trên mạng xã hội, xin lỗi công khai trên mạng xã hội 03 ngày liên tiếp và xin lỗi tại UBND xã T H đã được cấp sơ thẩm đã xem xét và có nhận định trong bản án, tuyên nhiên không được thể hiện tại phần quyết định của bản án là có thiếu sót. Qua xem xét, việc này là do giữa các bên có sự tranh chấp từ việc bà Nh và ông M còn nợ tiền nên gây bức xúc, anh Nh đăng tin trên mạng xã hội, không có căn cứ đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tinh thần của bà Nh và ông M, không gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho cá nhân và cho xã hội, anh Nh đã gỡ xuống xong nên yêu cầu của nguyên đơn không được xem xét và được bổ sung trong phần quyết định của bản án phúc thẩm cho đầy đủ theo quan hệ pháp luật tranh chấp.

[III]- Về việc cấp sơ thẩm quyết định trong bản án “Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16 2023/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè” tại phần quyết định của bản án cần được bổ sung cho phù hợp theo hướng dẫn tại khoản 2, 3 Điều 19 Nghị quyết số 02 ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao.

[IV]- Từ những cơ sở pháp lý, phân tích đã nêu: Không chấp yêu cầu kháng cáo của bà Nh và anh M. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư không phù hợp việc đánh giá tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên không được chấp nhận.

Ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bà Phạm Thị Nh và ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

[V]- Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 123, 131, 309, 468, 592, 593 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Nh và ông Nguyễn Văn M.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 256/2024/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị Mỹ Nh yêu cầu ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Trọng Nh bồi thường 18.000.000 đồng tổn thất tinh thần; yêu cầu ông Nguyễn Văn V, bà Võ Thị Út N bồi thường 9.033.500 đồng tiền chanh; yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Võ Thị Út N bồi thường 172.550.000 đồng tiền cây.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn V, bà Võ Thị Út N yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị Mỹ Nh bồi thường 400.000.000 đồng tiền hoa lợi cây trồng.

4. Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất theo giấy cổ đất ngày 29/12/2017 và ngày 01/01/2018 vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị Mỹ Nh hoàn trả cho ông Nguyễn Văn V, bà Võ Thị Út N 760.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị Mỹ Nh yêu cầu ông Nguyễn Văn V, bà Võ Thị Út N trả 35.000.000 đồng và bồi thường 600.000.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nh và ông M về yêu cầu ông V, anh Nh gỡ thông tin trên mạng xã hội, xin lỗi công khai trên mạng xã hội 03 ngày liên tiếp và xin lỗi tại UBND xã T H.

7. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2023/QĐ-BPKCTT ngày 24/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Việc huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16 thực hiện theo quy định tại chương 8 của Nghị quyết số 02/2020/HĐTP-TANDTC ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân Tối cao.

8. Về án phí:

Bà Nh và ông M mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. được cản trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015708 ngày 19/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

9. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- CC THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Ngọc Giàu

